

Số: 3430 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 13 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực thừa phát lại, hòa giải thương mại, trọng tài thương mại và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hòa giải thương mại, trọng tài thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1813/TTr-STP, ngày 23 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 31 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thừa phát lại, hòa giải thương mại và trọng tài thương mại; bãi bỏ 32 thủ tục hành chính lĩnh vực hòa giải thương mại và trọng tài thương mại.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này bãi bỏ 32 thủ tục hành chính trong lĩnh vực hòa giải thương mại, trọng tài thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý và giải quyết của



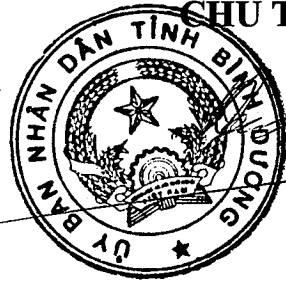
Sở Tư pháp; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Bình Dương.

(Chi tiết thủ tục hành chính, nội dung thủ tục hành chính mới, bản đồ kèm tại Phần I – Danh mục thủ tục hành chính)

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: *RH*

- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, NC, HCC, Website tỉnh;
- Lưu: VT, VPUB, H^{KSTT} *5*



CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Thao

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI TRONG LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI, HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI, TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI VÀ BÃI BỎ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI, TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3430 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI, HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI, TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH DƯƠNG.

STT	Mã TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính	Trang
I. LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI.			
1	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	1
2	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	4
3	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	7
4	1.008928	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	10
5	1.008929	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	13
6	1.008930	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	16
7	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	19
8	1.008932	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	22
9	1.008933	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	25
10	1.008934	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	28
11	1.008935	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	32
12	1.008936	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	36



13	1.008937	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	41
14	1.008922	Bỏ nhiệm Thừa phát lại	44
15	1.008923	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	49
16	1.008924	Bỏ nhiệm lại Thừa phát lại	52
II. LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI			
1		Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	56
2	1.008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	59
3	2.002047	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	65
4	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	66
5	1.008914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	70
6	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	82
7	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	85
8	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	91
9	1.008912	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn	92



		phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	
III. LĨNH VỰC TRONG TÀI THƯƠNG MẠI			
1	1.008889	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	95
2	1.008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	98
3	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	102
4	1.008905	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	105
5	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	107
6	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	111

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI, TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP.

STT	Mã TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính
I. LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI		
1	2.002048	Thôi làm hòa giải viên thương mại vụ việc khởi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp
2	1.005147	Thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
3	1.005148	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại
4	2.000532	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hoà giải thương mại
5	2.000445	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam
6	2.000491	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam
7	2.000515	Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại
8	2.000405	Thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
9	2.000394	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam
10	2.000425	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam
11	1.005149	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc
12	2.002047	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại
13	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại
II. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI		
1	1.001511	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài
2	2.001020	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài

STT	Mã TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính
3	1.002213	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài
4	1.002199	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài
5	2.000951	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài
6	1.002164	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện Trung tâm trọng tài
7	1.002891	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
8	2.000544	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
9	1.002132	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
10	1.002102	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
11	1.002709	Thông báo thay đổi Trưởng Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
12	1.002703	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
13	1.002050	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác
14	2.000586	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
15	1.002026	Thông báo về việc thành lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài
16	1.002009	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài
17	1.001891	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trưởng Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài
18	1.001819	Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên



STT	Mã TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính
19	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

Ghi chú:

- Bãi bỏ các TTHC từ trang 244 đến trang 283, Phần VII, Mục B (lĩnh vực hòa giải thương mại); bãi bỏ các TTHC từ trang 284 đến trang 349 Phần VII, Mục B (lĩnh vực trọng tài thương mại) ban hành kèm theo Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc công bố TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Bình Dương.

